

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường
trung học phổ thông năm học 2018- 2019

ST T	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm					
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	501 (99,81%)	133 (100%)	130 (100%)	118 (99,16%)	120 (100%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	1 (0,19%)		4 (3.2%)	24 (18.75%)	2 (1.83%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực					
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	239 (47,61%)	78 (58,64%)	55 (42,31%)	51 (42,86%)	55 (42,86%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	212 (42,23%)	47 (34,34%)	54 (41,54%)	52 (43,70%)	59 (49,17%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	51 (10,16%)	8 (26,01%)	21 (16,15%)	16 (13,44%)	6 (5%)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)					
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)					
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	502 (100%)	133 (100%)	130 (100%)	119 (100%)	120 (100%)
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	239 (47,61%)	78 (58,64%)	55 (42,31%)	51 (42,86%)	51 (42,86%)
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	212 (42,23%)	47 (34,34%)	54 (41,54%)	52 (43,70%)	59 (49,17%)
2	Thi lại, không TNTHCS (tỷ lệ so với tổng số)					
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)					

4	Chuyên trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	25/22 (4,98/ 4,38)	14/12 (2,78/ 2,39)	4/6 (0,79/ 1,19)	4/1 (0,79 /0,19)	3/3 (0,59/ 0,59)
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	13/1 (2,50/ 0,19 %)		7/1 (5,34/ 0,76	2/0 (1,63 %)	4/0 (3,17 %)
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					5
1	Cấp huyện	5				5
2	Cấp tỉnh/thành phố					
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghề nghiệp	120				120
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghề nghiệp .	120				120
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	55 (42,86%)				55 (42,86%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	59 (49,17%)				59 (49,17%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	6 (5%)				6 (5%)
VI I	Số học sinh thi đỗ (đại học, cao đẳng công lập) trúng tuyển lớp 10 (tỷ lệ so với tổng số)	68/92 (73,91%)				68/92 (73,91%)
VI II	Số học sinh nam/số học sinh nữ	239/263	67/66	53/77	59/60	60/60
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	8		3	4	1

Trung Lập Hạ , ngày 28 tháng 6 năm 2019

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)
Đã ký

Văn Thị Cụt